

MÔ HÌNH QUẢN LÝ SỞ HỮU TRÍ TUỆ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC – BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ ĐẠI HỌC THANH HOA, TRUNG QUỐC

PHẠM THỊ THUỶ HẰNG, NGUYỄN THANH HÙNG
Khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Tóm tắt: Bài viết giới thiệu về mô hình quản lý sở hữu trí tuệ đã mang lại hiệu quả to lớn cho đại học Thanh Hoa, Trung Quốc trong hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ và phát triển kinh tế. Việc nghiên cứu, học hỏi mô hình quản lý tiên tiến, chuyên nghiệp của đại học Thanh Hoa là vấn đề thực sự có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn đối với các trường đại học Việt Nam hiện nay, trên cơ sở đó có những định hướng vận dụng bài học kinh nghiệm phù hợp trong thực tiễn quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ ở trường đại học.

Từ khoá: Sở hữu trí tuệ, hoạt động sở hữu trí tuệ, quản lý sở hữu trí tuệ trong trường đại học.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Các trường đại học (ĐH) đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế tri thức (KTTT) bởi bên cạnh công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học (NCKH), việc sáng tạo và phổ biến tri thức luôn là tâm điểm trong mọi hoạt động của trường ĐH. Các trường ĐH đã và đang trở thành một nguồn cung cấp lớn các kết quả sáng tạo trí tuệ có vai trò to lớn và tác động tích cực đến nền kinh tế của mỗi quốc gia. Nanyaro (2000) cho rằng, các kết quả nghiên cứu, sáng tạo được thực hiện từ trường ĐH và tổ chức Nghiên cứu và phát triển (R&D - Research & Development) cần được quan tâm để chuyển giao công nghệ, thương mại hóa nhằm phát triển kinh tế [9]. Archer, Graham (2002) nhấn mạnh các trường ĐH đóng một vai trò quan trọng trung tâm của nền KTTT, tạo ra tài sản trí tuệ thông qua các nghiên cứu và các hoạt động khác; vì vậy trường ĐH cần có những chiến lược và chính sách để đảm bảo rằng những tài sản trí tuệ như vậy được quản lý thành công [10]. Giorgio (2006) đề cập đến mô hình chuyển giao công nghệ của ĐH quốc gia Campinas (University of Campinas, Unicamp) - Brazil với chính sách quản lý SHTT mang tính đột phá đã tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động bảo vệ quyền SHTT và chuyển giao công nghệ; các chính sách tập trung khai thác yếu tố quyền SHTT để đưa thành quả nghiên cứu vào đời sống, thúc đẩy sáng tạo [11] [12] [6]. Nghiên cứu của Guo (2007) đề cập đến trường hợp điển hình: mô hình quản lý SHTT ở ĐH Thanh Hoa - Trung Quốc được xem là một điển hình thuyết phục về quản lý SHTT cho các trường ĐH Trung Quốc và trong khu vực Châu Á [13]; Wang (2012) đánh giá hệ thống pháp lý và thực tiễn chuyển giao công nghệ tại Đài Loan [16]. Tóm lại, có thể thấy rằng các trường ĐH trên thế giới, đặc biệt ở các nước phát triển đều nhấn mạnh tầm quan trọng của quản lý SHTT trong trường ĐH và rất quan tâm chú trọng triển khai quản lý SHTT thông qua các chính sách quản lý phù hợp.

Ở Việt Nam, quản lý hoạt động SHTT trong trường ĐH là vấn đề còn khá mới cả về lý luận và thực tiễn. Nghiên cứu về quản lý hoạt động SHTT ở trường ĐH còn rất ít và khiêm tốn, chủ yếu tồn tại dưới dạng các bài báo, tham luận tại các hội nghị khoa học. Các nghiên cứu đã có những đóng góp rất quan trọng trong xây dựng cơ sở lý luận, xây dựng mô hình quản lý, khai thác SHTT cũng như mô tả bức tranh về quản lý SHTT trong trường ĐH từ hoạt động nhận diện, xác định quyền sở hữu, thống kê và quản lý về mặt hành chính SHTT, hoạt động xác lập và bảo vệ quyền sở hữu pháp lý SHTT cho đến hoạt động khai thác thương mại SHTT và đề xuất những biện pháp quản lý hoạt động SHTT trong trường ĐH. Điển hình như nghiên cứu của Trương Thủy Trang (2007), Lê Văn Hồng (2008), Đào Minh Đức (2008), Đoàn Đức Lương (2009), Trần Văn Hải (2010), Bảo Tiên (2013), Lưu Thanh Tâm (2015)... Tuy nhiên, việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn về quản lý hoạt động SHTT trong trường ĐH chưa mang tính hệ thống, các biện pháp quản lý được đề xuất chưa được hướng dẫn cụ thể về mặt nội dung, cách thức quản lý. Đặc biệt, minh chứng về tính khả thi và hiệu quả bằng những số liệu cụ thể về kết quả thực hiện của các biện pháp vẫn chưa được thực hiện.

Năm 2008 Bộ GD&ĐT Việt Nam đã ban hành quy định về quản lý hoạt động SHTT trong cơ sở giáo dục đại học với mục đích nhằm khuyến khích hoạt động sáng tạo, thúc đẩy quá trình khai thác, chuyển giao quyền SHTT và bảo vệ tài sản trí tuệ của cá nhân, tập thể, tổ chức và của chính cơ sở giáo dục đại học [2]. Trên cơ sở này, một số trường ĐH đã bắt đầu ban hành quy định về quản lý hoạt động SHTT cho trường mình. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, công tác này tại các trường ĐH Việt Nam chưa phát huy hiệu quả, việc thực thi các quy định là một thách thức lớn đối với tất cả các nhà quản lý giáo dục và các thành phần liên quan. Trên bình diện thực tiễn nêu trên, đồng thời trong xu hướng xây dựng nền văn hoá SHTT tại Việt Nam nhấn mạnh đến vai trò của các trường ĐH trong việc tạo môi trường thuận lợi để xây dựng và phát triển nền văn hoá SHTT thì việc nghiên cứu, học hỏi những mô hình quản lý SHTT tiên tiến, chuyên nghiệp tại các trường ĐH ở các quốc gia trên thế giới như ĐH Thanh Hoa, Trung Quốc là việc làm cần thiết để rút ra những bài học kinh nghiệm bổ ích mà giáo dục ĐH Việt Nam có thể tham khảo và học tập.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Tầm quan trọng của quản lý sở hữu trí tuệ ở trường đại học

Từ năm 2006, khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và chính thức gia nhập Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học, nghệ thuật thì vấn đề bảo hộ quyền SHTT đặt ra ngày càng gay gắt và cấp bách. Với vai trò là một trong ba trụ cột của thương mại quốc tế hiện đại (thương mại hàng hóa; thương mại dịch vụ và đảm bảo quyền SHTT là hoạt động của ba Ủy ban trụ cột của Tổ chức Thương mại thế giới), SHTT đòi hỏi không chỉ sự nhận thức chung chung, mà cần là một hoạt động chuyên nghiệp với tính chuyên nghiệp ngày càng tăng và phạm vi ngày càng mở rộng đối với hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Theo Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO - World Intellectual Property Organization, 2016), “kiến thức và công nghệ tạo ra trong các trường đại học và viện nghiên cứu công (PRIs - Public research institutions) mang lại những lợi ích to lớn về kinh tế và xã hội. Nhận được những kết quả sáng tạo trí tuệ từ nghiên cứu cho thị trường là lý do chính cho một trường ĐH và PRIs phát triển chính sách sở hữu trí tuệ (IP- Intellectual property) mạnh mẽ” [15]. Tầm quan trọng của SHTT ngày nay đã vượt qua khỏi việc bảo hộ một cách đơn thuần các sáng tạo trí tuệ và trở thành một lĩnh vực vô cùng năng động đang ảnh hưởng mạnh mẽ tới mọi mặt của đời sống văn hoá, kinh tế xã hội của các quốc gia trên thế giới. Với tư cách là những yếu tố cấu thành của xã hội hiện đại, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng cũng không nằm ngoài sự tác động trực tiếp của hệ thống SHTT (Nguyễn Thị Quế Anh, 2008) [1]. Trên thực tế, các trường ĐH Việt Nam hiện nay đã có những triển khai ban đầu về hoạt động SHTT và quản lý hoạt động SHTT. Một số trường ĐH đã bắt đầu ban hành quy định về quản lý hoạt động SHTT trong trường ĐH, tổ chức nhóm hoặc bộ phận chuyên trách về SHTT của trường; quan tâm công tác tuyên truyền, phổ biến các kiến thức về SHTT thông qua việc tổ chức các hội thảo, tập huấn... Tuy nhiên, hoạt động SHTT và quản lý SHTT tại các trường ĐH chưa được phát huy có hiệu quả. Trong thời gian gần đây nhiều hành vi xâm phạm quyền tác giả trong các lĩnh vực biên soạn giáo trình, luận văn, luận án, nghiên cứu đề tài khoa học... đã xảy ra ở một số trường ĐH gây bức xúc trong giới khoa học và dư luận xã hội.

Khuynh hướng xây dựng nền văn hóa SHTT tại Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế nhấn mạnh đến tầm quan trọng của các trường ĐH; mặt khác, trong bối cảnh hiện nay việc thực thi pháp luật SHTT là một trong những vấn đề quan trọng hàng đầu để nâng cao chất lượng đào tạo và tiến đến đánh giá mức độ hội nhập của một trường ĐH. Vì vậy, trường ĐH là một trong những địa chỉ quan trọng cần xây dựng môi trường văn hóa SHTT, đồng thời việc quản lý và khai thác hoạt động SHTT ở trường ĐH ngày càng trở nên quan trọng.

2.2. Đại học Thanh Hoa và chính sách quản lý sở hữu trí tuệ trong trường đại học

ĐH Thanh Hoa (Tsinghua University - THU) thành lập năm 1911 tại Bắc Kinh. Nơi đây được xem là cái nôi đào tạo các nhà lãnh đạo tên tuổi của Trung Quốc qua các thời kì và được đánh giá là trường ĐH hàng đầu Trung Quốc, là thành viên của LAOTSE – một hệ thống quốc tế các trường ĐH hàng đầu Châu Âu và Châu Á (Wikipedia, 2016) [16]. Năm 2015, ĐH Thanh Hoa nằm trong top 50 trường ĐH hàng đầu thế giới theo kết quả từ bảng xếp hạng các trường ĐH trên thế giới (QS - Quacquarelli Symonds). ĐH Thanh Hoa rất chú trọng đến hướng phát triển tầm quốc tế, giao lưu văn hoá với các nước trên thế giới, phối hợp với các trường ĐH và các công ty quốc tế để trao đổi kinh nghiệm và cùng tham gia nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, sự hỗ trợ và hợp tác song phương của trường với cộng đồng quốc tế đã đem lại những thành quả tốt đẹp. ĐH Thanh Hoa ngày nay đã trở thành một trường ĐH đẳng cấp với những chuyên ngành lợi thế: Kỹ thuật, Y khoa, Kinh tế, Quản lý, Văn học, Pháp luật, Nghệ thuật... đồng thời ĐH Thanh Hoa còn là trung tâm nghiên cứu các công trình khoa học quan trọng của quốc gia.

ĐH Thanh Hoa được xem là một điển hình thuyết phục về quản lý SHTT cho các trường ĐH Trung Quốc và khu vực Châu Á. Hiện nay, ĐH Thanh Hoa sở hữu nhiều bằng sáng chế nhất trong tất cả các trường ĐH tại Trung Quốc. Ngày 15/3/2016 tại Gene-vơ, WIPO ra báo cáo cho biết, số đơn xin cấp bằng độc quyền sáng chế, nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp quốc tế trong năm 2016 liên tục 7 năm tăng lên và lập kỷ lục mới, trong đó, số đơn xin cấp bằng độc quyền sáng chế quốc tế của Trung Quốc năm 2016 đã lên tới 44,7%. Theo đài phát thanh quốc tế Trung Quốc (CRI – China Radio International), “Tổng Giám đốc WIPO, Francis Gurry nêu rõ, Trung Quốc đang thúc đẩy tiến trình từ "Trung Quốc chế tạo" chuyển sang "Trung Quốc sáng tạo", đã tiến bước lớn về mặt quốc tế hóa doanh nghiệp”. Đóng góp quan trọng vào công cuộc đó của Trung Quốc, ngoài các doanh nghiệp, còn phải kể đến các tổ chức giáo dục, trong đó, “trường ĐH Thanh Hoa lọt vào top 20 nhìn từ xếp hạng đơn xin cấp bằng độc quyền sáng chế quốc tế của tổ chức giáo dục” (CRI, 2017) [14].

Năm 2016, ĐH Thanh Hoa Trung Quốc nằm trong top 100 của danh sách các trường đại học sáng tạo nhất trên thế giới (The Reuters 100: The World's Most Innovative Universities) do Reuters - hãng thông tấn lớn nhất thế giới (Reuters Group plc) xếp hạng. Danh sách xếp hạng các trường đại học sáng tạo nhất thế giới được Reuters dựa trên thống kê phân tích số liệu về nộp đơn sáng chế (SC), các bài báo khoa học cũng như các trích dẫn trong cơ sở dữ liệu về sáng chế, thông tin khoa học và công nghệ của tập đoàn Thomson Reuters, việc thương mại hóa các thành tựu nghiên cứu khoa học và công nghệ (Anh Tùng, 2017) [8]. Năm 2017, ĐH Thanh Hoa trở lại trong danh sách này với thành tích đáng kể từ vị trí thứ 51 (năm 2016) đã vươn lên vị trí thứ 31 (năm 2017) trong bảng xếp hạng (David Ewalt, 2017) [18].

Sở dĩ ĐH Thanh Hoa có được kết quả như vậy bởi họ đã áp dụng những chính sách tập trung khai thác yếu tố quyền SHTT để đưa thành quả nghiên cứu vào đời sống và thực hiện theo lộ trình thúc đẩy hoạt động SHTT rất hiệu quả.

+ **Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách về sở hữu trí tuệ:** Năm 1997, ĐH Thanh Hoa đã ban hành chính sách về SHTT, đây là đơn vị thiết lập và ban hành chính sách về SHTT sớm nhất trong hệ thống các trường ĐH tại Trung Quốc [13]. Chính sách này xác định và hướng dẫn cụ thể đối tượng, nội dung SHTT và chú trọng nhấn mạnh quy định về những lợi ích mà người nghiên cứu được hưởng khi SHTT được quản lý. Tất cả đối tượng chính sách áp dụng như: nhân viên của trường, bao gồm cả giảng viên, các nhà nghiên cứu cộng tác, các nhân viên tạm tuyển, sinh viên và các tài liệu, bài viết của những học giả đến thăm... sẽ phải đăng ký một cam kết rằng họ sẽ thực hiện theo chính sách.

SHTT được xác định theo chính sách bao gồm bằng sáng chế, bí mật thương mại, bí quyết, thương hiệu, bản quyền, và bất kỳ các quyền liên quan; đồng thời xác định rất rõ các công việc thực hiện của nhân viên; quyền công bố, chia sẻ lợi ích chủ sở hữu, theo đó, khi một dự án được hoàn thành thì tất cả kết quả phải được tiết lộ cho bộ phận quản lý, và bộ phận này sẽ xem xét có nên áp dụng cho một bằng sáng chế hay không. Tất cả mọi công bố đều bị cấm trước khi được cấp bằng sáng chế, nếu kết quả có giá trị thương mại nhưng không phù hợp cho một bằng sáng chế, nó sẽ được lưu giữ như một bí mật

thương mại và khi đó các biện pháp để duy trì tính bảo mật được thực hiện. Một nội dung quan trọng trong chính sách SHTT của ĐH Thanh Hoa là xác định quyền sở hữu và phân chia lợi nhuận. Cụ thể, khi một ngành công nghiệp tài trợ nghiên cứu thì phải thỏa thuận một số điều khoản về quyền sở hữu SHTT, phân bổ chi phí bằng sáng chế, chia sẻ doanh thu từ SHTT và hợp đồng phải được sự kiểm tra của cơ quan quản lý SHTT trước khi nó được thực hiện. Ngoài ra, lợi ích của nhà phát minh cũng được quy định bằng ít nhất 25% doanh thu được tạo ra từ SHTT và được nhận bằng tiền mặt hoặc vốn chủ sở hữu [13] [6].

+ **Thành lập văn phòng chuyên trách chuyển giao công nghệ và ủy ban sở hữu trí tuệ của trường đại học:** Cơ cấu tổ chức của ĐH Thanh Hoa để quản lý SHTT hầu như thông qua một đầu mối là TTO (Technology Transfer Office - Văn phòng chuyên trách chuyển giao công nghệ). Trách nhiệm cụ thể của văn phòng này bao gồm: soạn thảo các chính sách liên quan đến SHTT của trường ĐH; giám sát việc thực hiện chính sách; thiết lập hệ thống và thủ tục quản lý SHTT; giáo dục, tuyên truyền về SHTT; kiểm tra các điều khoản hợp đồng giữa trường ĐH và các ngành công nghiệp. Đặc biệt, ĐH Thanh Hoa còn có một ủy ban SHTT bao gồm một phó hiệu trưởng và các cán bộ quản lý từ các phòng ban chức năng của trường. Chính ủy ban này giám sát mọi hoạt động của TTO, TTO thường xuyên cập nhật những công việc của mình, định kỳ báo cáo các tin tức, Luật liên quan đến SHTT với ủy ban SHTT. TTO của ĐH Thanh Hoa còn thiết lập thủ tục và các quy tắc kiểm tra những thỏa thuận hợp tác nghiên cứu và thỏa thuận nghiên cứu được tài trợ giữa trường ĐH với các tổ chức khác và thiết kế nên một hợp đồng tiêu chuẩn cho các thỏa thuận nghiên cứu. Gần đây, TTO của ĐH Thanh Hoa cũng bắt đầu cung cấp các dịch vụ trong việc tư vấn về vi phạm bản quyền. Bên cạnh đó, ĐH Thanh Hoa còn thành lập một quỹ đặc biệt để trả chi phí bằng sáng chế, bao gồm cả lệ phí nộp đơn, lệ phí xét duyệt, các lệ phí khác và lệ phí bảo trì trong ba năm đầu tiên sau khi bằng sáng chế được ban hành [13] [6].

+ **Giáo dục nâng cao nhận thức về chính sách sở hữu trí tuệ:** Sự thành công của ĐH Thanh Hoa phải nói đến nỗ lực mà họ đầu tư cho việc giáo dục các giảng viên, sinh viên về chính sách SHTT nhằm nâng cao nhận thức và hiểu biết sâu sắc về quyền SHTT, hình thành những giá trị, chuẩn mực, thói quen trong hành vi tôn trọng và bảo vệ tài sản trí tuệ của bản thân và người khác khi tham gia vào mọi hoạt động học tập, nghiên cứu, giảng dạy. Chính sách SHTT được in thành một cuốn sách nhỏ, tất cả các thành viên và sinh viên nhận được trong ngày đầu tiên mà họ tham gia vào trường ĐH, đồng thời trường ĐH cũng phổ biến rộng rãi thông tin về hoạt động SHTT trên trang Web của trường. Văn phòng SHTT theo định kỳ báo cáo tin tức, pháp luật liên quan đến SHTT và các thông tin cập nhật về công việc của mình. Luật về SHTT cũng được giảng dạy trong khóa học Luật cơ bản và được giảng dạy bởi trường Luật Thanh Hoa, khóa học này bắt buộc cho tất cả sinh viên. Tất cả các giảng viên, nhân viên được chỉ định phụ trách quản lý SHTT đều được đào tạo định kỳ và nghiêm túc [6].

+ **Gắn kết trường đại học với doanh nghiệp – mô hình công ty trực thuộc đại học:** Năm 1999, Bộ Giáo dục Trung Quốc đã đưa ra một kế hoạch để phát triển giáo dục ĐH

Trung Quốc cho thế kỷ 21. Một điểm nổi bật của kế hoạch này là đẩy nhanh việc chuyển giao công nghệ của trường ĐH bằng cách khuyến khích các trường ĐH thành lập các công ty công nghệ cao. Nhận thấy xu hướng các công ty công nghệ cao có thể thúc đẩy nền kinh tế, nhiều chính quyền địa phương ở Trung Quốc đã ủng hộ kế hoạch này bằng cách cung cấp cho các trường ĐH địa phương của họ các khoản vay, nhà ở, đất đai và giảm thuế, có chính sách khuyến khích các giảng viên trường ĐH địa phương thành lập các khu công nghệ. Hiện nay có khoảng 40 khu công nghệ gắn với các trường ĐH trên khắp Trung Quốc, một số lượng lớn các công ty trong các khu công nghệ này là những công ty do các giảng viên ĐH thành lập dựa trên công nghệ của họ [13].

Hoạt động chuyển giao công nghệ giữa trường ĐH Thanh Hoa và doanh nghiệp được tăng cường. Đặc biệt, để chuyển giao những kết quả nghiên cứu vào cuộc sống, ĐH Thanh Hoa không chỉ kết hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp mà còn thành lập các doanh nghiệp trực thuộc ngay đơn vị mình để tăng tốc quá trình chuyển giao, trong đó, ĐH Thanh Hoa xác định rạch ròi cơ chế hoạt động của doanh nghiệp cũng như có cơ chế chuyển giao công nghệ theo định hướng nhu cầu thị trường. Tại trường ĐH Thanh Hoa, Thanh Hoa Holdings đã ra đời với 98 công ty con, 6 khu công nghiệp lớn nhỏ khác nhau (CRI, 2017) [14]. Trong một trường hợp điển hình nổi bật khác, Thanh Hoa Tong Fang Co., Ltd, được lần đầu ra công chúng vào năm 1997 trên thị trường chứng khoán Thượng Hải với Đại học Thanh Hoa là cổ đông chính. Công ty này hoạt động như cái nôi tạo ra tài sản SHTT của Đại học Thanh Hoa qua hai phương thức: thứ nhất, thu hút vốn cho việc thương mại hóa các phát minh, nghiên cứu từ trường ĐH; thứ hai, tài trợ nghiên cứu tại các trường ĐH dựa trên sự hiểu biết của công ty về nhu cầu thị trường. Công ty hiện đang sở hữu hơn 300 bằng sáng chế của Trung Quốc trong công nghệ thông tin, tài nguyên năng lượng và môi trường, và các công nghệ bức xạ áp dụng, cũng như 44 bản quyền phần mềm; chỉ trong nửa đầu năm 2005, công ty đạt doanh thu khoảng 450 triệu USD. Ngoài ra, đại học Thanh Hoa đã có sự cộng tác với các công ty đa quốc gia (MNC - Multinational corporation) trong R&D sau khi Trung Quốc công bố “Luật khoa học và công nghệ của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa” năm 1993 (Phạm Thái Quốc, 2010) [5]. Luật này khuyến khích đẩy mạnh các hoạt động hợp tác R&D giữa các viện nghiên cứu, các trường đại học Trung Quốc với đối tác nước ngoài. Hưởng ứng luật mới này, đại học Thanh Hoa đã đưa ra kế hoạch 27 năm với 3 giai đoạn hợp tác (1993-2020). Lĩnh vực hợp tác giữa đại học Thanh Hoa với các MNC nước ngoài cũng được mở rộng hơn, từ chỗ chỉ tập trung ở một số khoa như cơ khí, xây dựng... đã mở rộng ra các khoa khác như: Cơ khí điện tử, khoa học máy tính, hạt nhân và năng lượng mới, cơ nhiệt và cơ khí chế tạo. Rõ ràng, để chuyển giao tri thức vào cuộc sống thì việc thành lập các mô hình công ty trong trường ĐH Thanh Hoa là hết sức cần thiết và thực tiễn cho thấy, hoạt động này mang lại hiệu quả to lớn cho ĐH Thanh Hoa trong chuyển giao công nghệ và phát triển kinh tế.

Như vậy, có thể thấy những bài học về quản lý sở hữu trí tuệ của đại học Thanh Hoa như: ban hành chính sách về sở hữu trí tuệ; thành lập bộ phận chuyên trách chuyển giao công nghệ và ủy ban sở hữu trí tuệ trong trường ĐH; gắn kết trường ĐH với doanh nghiệp – mô hình công ty trực thuộc đại học; chú trọng giáo dục nâng cao nhận thức

cho cán bộ, giảng viên, sinh viên về chính sách sở hữu trí tuệ. Việc nghiên cứu, học hỏi mô hình quản lý SHTT chuyên nghiệp của đại học Thanh Hoa là vấn đề thực sự có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn đối với các trường đại học Việt Nam hiện nay.

2.3. Định hướng vận dụng bài học kinh nghiệm trong quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ cho các trường đại học Việt Nam

Tại Việt Nam, tình trạng xâm phạm SHTT đang ngày càng nghiêm trọng và phổ biến, nguyên nhân chủ yếu là do các quy định pháp luật và việc thực thi quyền SHTT còn nhiều điểm bất cập, việc tổ chức thực thi quyền SHTT chưa có hiệu quả, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng chưa được tốt. Do sự thay đổi nhân sự và thiếu hụt về cán bộ chuyên trách cũng như hạn chế kinh phí nên hoạt động quản lý nhà nước về SHTT một số địa phương chỉ có thể tập trung vào một số mảng hoạt động như tuyên truyền phổ biến kiến thức, tổ chức hội thi sáng tạo mà chưa tập trung vào những hoạt động như xác lập quyền và bảo vệ quyền SHTT (Phạm Anh Tuấn, 2011) [7]. Chính vì vậy, trước hết cần nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với SHTT, đẩy mạnh hoạt động sáng tạo và quản lý tốt SHTT từ những nguồn nội sinh, trong đó có các trường ĐH. Tuy nhiên, với nguồn tài chính hạn chế, nhân lực chưa đủ trình độ chuyên môn – nghiệp vụ, hơn nữa bản thân các trường ĐH chưa quan tâm đầy đủ và đúng mực về vấn đề này, việc quản lý SHTT hiện đang còn nhiều khoảng trống.

Quản lý nhà nước về SHTT và quản lý hoạt động SHTT ở trường ĐH là một công việc phức tạp, vừa cấp bách, vừa lâu dài. Cần tính đến bối cảnh kinh tế, văn hoá cụ thể của mỗi nước cũng như tùy thuộc vào lĩnh vực đào tạo và yêu cầu nghiên cứu, mỗi trường có thể tự chọn cho mình cơ chế đặc thù để quản lý và bảo hộ quyền SHTT, tuy nhiên với những đặc điểm chung của một cơ sở có chức năng đào tạo ở bậc ĐH và sau ĐH, đồng thời trong chừng mực phạm vi quyền hạn của mình, các trường ĐH cũng có thể hoàn thiện các chính sách quản lý hoạt động SHTT trong trường ĐH để thực hiện tốt hơn công việc này. Trên cơ sở nghiên cứu, tìm hiểu các chính sách quản lý SHTT ở ĐH Thanh Hoa, Trung Quốc, tác giả xin đề xuất định hướng áp dụng bài học kinh nghiệm trong quản lý hoạt động SHTT vào trường ĐH Việt Nam.

2.3.1. Đối với các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước

Từ thực tế hoạt động SHTT của các trường ĐH Việt Nam hiện nay cho thấy, cần có nhiều hơn nữa những cơ chế của nhà nước để hỗ trợ các trường ĐH trong quản lý hoạt động SHTT, bởi sự thiếu hụt về mặt chính sách đã góp phần làm cho việc quản lý SHTT bị trì trệ. Vấn đề cấp thiết là phải xây dựng và đổi mới hệ thống các văn bản quy định theo từng cấp, tùy theo chức năng của mỗi cấp mà có những hướng dẫn cụ thể để bộ phận thực thi cấp dưới có thể dễ dàng thực hiện. Hiện nay, ngoài văn bản cao nhất là Luật SHTT, nhiều cơ quan hành chính thuộc nhiều ngành, cấp khác nhau cũng đã ban hành các văn bản quy định về quản lý hoạt động SHTT. Tuy nhiên, điểm chung của các văn bản này chỉ đưa ra được những quy định về mặt nguyên tắc chứ chưa có văn bản nào thực sự hướng dẫn chi tiết các quy trình và cách thức thực hiện quản lý hoạt động SHTT, gây khó khăn và lúng túng cho bộ phận thực thi. Một chính sách cung cấp rõ

ràng về quyền sở hữu trí tuệ cho các nghiên cứu do chính phủ tài trợ sẽ tạo ra động cơ khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, trường đại học hợp tác, tìm kiếm bất kỳ lợi ích có thể có từ việc tuyên bố quyền sở hữu, điều này sẽ thúc đẩy xu hướng cấp bằng sáng chế đại học. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng cần quan tâm thực hiện các bước để giải quyết những thách thức về thị trường, cải thiện luồng thông tin, cơ sở hạ tầng thị trường và điều kiện tài chính khuyến khích đầu tư vào công nghệ của các trường ĐH.

2.3.2. Đối với nhà quản lý, lãnh đạo trường đại học, tổ chức nghiên cứu (R&D)

Các nhà quản lý, lãnh đạo trường đại học, tổ chức nghiên cứu cần chú trọng tiến hành việc soạn thảo và thực hiện chính sách, thể chế của tổ chức về quản lý hoạt động SHTT, trong đó phản ánh tầm nhìn, sứ mệnh của nhà trường, đồng thời ban hành các quy trình thực hiện công tác quản lý SHTT. Quy trình quản lý hoạt động SHTT cần hướng dẫn cụ thể từ công tác phát hiện, khai báo, ghi nhận, thống kê, đăng ký bảo hộ đến xúc tiến thương mại đối với SHTT.

Xây dựng và hỗ trợ cơ quan/văn phòng chuyên giao công nghệ có các nguồn lực và năng lực để bảo vệ và khai thác, thương mại hoá tài sản trí tuệ, vì lợi ích của cả nhà trường và xã hội.

Văn phòng chuyên giao công nghệ cần chú trọng giải quyết các thách thức trong sự phù hợp về thể chế với nhu cầu thị trường, muốn vậy, đòi hỏi những cách tiếp cận và chiến lược khác nhau, dựa trên các chuyên môn khác nhau.

Bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động SHTT trong trường ĐH chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục đăng ký bảo hộ độc quyền các sản phẩm khoa học của cán bộ, giảng viên, nhà khoa học, nghiên cứu viên, đồng thời chú trọng việc khai thác giá trị SHTT bằng hoạt động thương mại hóa nhằm mang lại hiệu quả kinh tế.

Chú trọng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ nhân viên bộ máy chuyên trách quản lý SHTT trong trường ĐH. Năng lực chuyên môn của những cán bộ phụ trách hoạt động quản lý SHTT là một yếu tố đóng vai trò quan trọng đối với hiệu quả công tác quản lý hoạt động SHTT ở trường ĐH. Vì vậy, văn phòng chuyên trách quản lý SHTT cần tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, được đào tạo nghiêm túc về SHTT và quản trị SHTT, am hiểu và dành toàn bộ thời gian cho công việc phụ trách quản lý SHTT.

Chú trọng trao đổi, hợp tác chia sẻ kinh nghiệm giữa các trường ĐH trong cả nước nhằm tích lũy thêm kinh nghiệm cho các cán bộ chuyên trách.

Giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ cho cán bộ, giảng viên, sinh viên. Trường ĐH cần chú trọng tổ chức các chương trình đào tạo, giáo dục về SHTT nhằm nâng cao nhận thức và hiểu biết sâu sắc về quyền SHTT, rèn luyện hành vi tôn trọng và bảo vệ tài sản trí tuệ của bản thân và người khác.

Chú trọng tăng cường gắn kết trường ĐH với các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn cả nước nhằm chuyển giao kết quả nghiên cứu, những sáng tạo khoa học từ trường ĐH đi vào cuộc sống và phát huy được hiệu quả kinh tế. Đặc biệt cần mạnh dạn khai thác tiềm

năng chất xám và cơ sở vật chất của mình thông qua việc thành lập các công ty, doanh nghiệp trực thuộc ngay đơn vị mình để có thể chuyển giao tri thức vào cuộc sống một cách thiết thực nhất, thúc đẩy và tăng tốc quá trình chuyển giao chuyển giao công nghệ. Các mối quan hệ này cần được xây dựng trên cơ sở bình đẳng, hiểu biết lẫn nhau và làm lợi cho nhau. Trên thực tế, Việt Nam đã có đầy đủ hành lang pháp lý cho các trường ĐH chuyển giao tri thức vào cuộc sống. Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định 115 về Doanh nghiệp KH&CN trao quyền tự chủ cho các đơn vị KH&CN [3] [4].

2.3.3. Đối với các nhà khoa học

Các nhà nghiên cứu, nhà khoa học có giải pháp kỹ thuật hoặc sáng chế, đề tài NCKH trong toàn bộ quá trình thực hiện nếu có khả năng phát sinh SHTT thì cần phải được đăng ký ngay bởi bằng sáng chế khoa học là thành quả có ý nghĩa to lớn trong việc thúc đẩy sự nghiệp của nhà khoa học, nhà nghiên cứu, cán bộ, giảng viên trong giới học thuật. Nhiệm vụ này là trách nhiệm của bản thân người nghiên cứu bởi họ mới chính là người hiểu thấu đáo về công trình nghiên cứu của mình. Văn phòng quản lý SHTT của trường ĐH chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục đăng ký bảo hộ độc quyền các sản phẩm khoa học của cán bộ, giảng viên, nhà khoa học, nhà nghiên cứu; đồng thời chú trọng việc khai thác giá trị SHTT bằng hoạt động thương mại hóa quản lý hoạt động SHTT trong trường ĐH. Bên cạnh đó, với chức năng tham mưu, người phụ trách hoạt động quản lý cũng cần có sự theo dõi, giám sát và hỗ trợ trong quá trình khai báo của nhà khoa học.

2.3.4. Đối với cán bộ chuyển giao công nghệ

Là chuyên gia về SHTT trong nhà trường, mỗi cán bộ chuyển giao công nghệ cần chủ động tư vấn về mặt hành chính, pháp lý, về chính sách sở hữu trí tuệ cũng như cơ sở hạ tầng cho các nhà khoa học, nghiên cứu, nhà quản lý trường ĐH để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động SHTT trong nhà trường. Cần nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc thúc đẩy các nhiệm vụ KHCN của nhà trường nhằm xây dựng hệ thống chuyển giao những thành quả của NCKH công nghệ cho thị trường trên các khía cạnh: giao dịch, tiếp thị và thu hút đầu tư từ bên ngoài.

3. KẾT LUẬN

Với vai trò là trung tâm khoa học và đào tạo, các trường ĐH đang cố gắng thực hiện tốt ba nhiệm vụ chính của mình là: Đào tạo; Nghiên cứu phát triển khoa học; Ứng dụng các thành tựu KH&CN vào cuộc sống. Nhiều trường ĐH vẫn còn gặp nhiều hạn chế ở nhiệm vụ thứ ba do những nguyên nhân như thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm hoạt động, cơ chế chính sách chưa đồng bộ... Quản lý hoạt động SHTT ở trường ĐH muốn thực hiện có hiệu quả thì ngoài nguồn lực nội sinh nhà trường còn cần sự hỗ trợ của nhà nước, sự phối hợp của nhiều cơ quan quản lý nhà nước có liên quan từ việc ban hành và triển khai cơ chế, chính sách phù hợp đến việc đăng ký quyền SHTT, giám sát thực thi và thực hiện chế tài đối với vi phạm các đối tượng SHTT. Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm từ mô hình quản lý SHTT của ĐH Thanh Hoa, Trung Quốc, tác giả đề xuất một số định hướng vận dụng bài học kinh nghiệm trong quản lý hoạt động SHTT ở trường

ĐH Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động SHTT, tạo ra môi trường ổn định cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học trong nhà trường, thực thi pháp luật SHTT đảm bảo quyền lợi của các nhà khoa học và lợi ích mà sản phẩm khoa học mang lại cho xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thị Quế Anh (2008). Nhu cầu đào tạo về Sở hữu trí tuệ trong các trường Đại học Việt Nam, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế - Luật* 24. 9 -17
- [2] Bộ GD-ĐT (2008). Quyết định “*Ban hành quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học*”, theo Quyết định số: 78/2008/QĐ-BGDĐT kí ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT.
- [3] Chính phủ (2005). *Nghị định 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức KH&CN công lập*. Hà Nội
- [4] Hải Long (2017). *Công ty trực thuộc đại học – Kết nối nghiên cứu và thực tiễn*, tra cứu ngày 10/5/2017 từ <http://www.nhandan.com.vn/khoahoc/khoahoc/item/32517902-cong-ty-truc-thuoc-dai-hoc-ket-noi-nghien-cuu-va-thuc-tien.html>.
- [5] Phạm Thái Quốc (2010). *Đổi mới mô hình đào tạo đại học và xây dựng các trường đại học đẳng cấp quốc tế ở Trung Quốc*, tra cứu ngày 7/7/2017 từ <http://vnics.org.vn/Default.aspx?ctl=Article&aID=195>.
- [6] Bảo Tiên (2013). *Quản lý các đối tượng sở hữu trí tuệ ở Trường Đại học: Thực trạng chính sách và thực tiễn áp dụng tại Đại học Huế*, Luận văn thạc sỹ Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
- [7] Phạm Anh Tuấn (2011). *Quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- [8] Anh Tùng (2017). Năng lực sáng tạo trên thế giới năm 2016, *Tạp chí Stinfo*, số 1 & 2, tr. 29-35.
- [9] Asifa P. Nanyaro (2000). *Management of intellectual property right at universities*, Hội thảo khu vực về “Lợi ích của hệ thống SHTT cho các trường ĐH, các nhà nghiên cứu và các tổ chức nghiên cứu & phát triển”, Dar es Salaam năm 2000. Truy cập ngày 14.2.2017, từ: http://www.wipo.int/edocs/mdocs/innovation/en/wipo_ip_dar_00/wipo_ip_dar_00_9.pdf.
- [10] John Archer, Philip Graham (2002). *A Guide to MANAGING Intellectual Property: Strategic Decision-Making in Universities*, In Higher Education. Retrieved March 12, 2017 from http://www.auril.org.uk/Portals/26/documents/strategic_guide.pdf.
- [11] IPHandbook of best practices (2017, April 10). *DI GIORGIO, Rosana Ceron*, Retrieved from <http://www.iphandbook.org/handbook/authors/A47/>.
- [12] Rosana Ceron Di Giorgio (2006), *From University to Industry: Technology Transfer at Unicamp in Brazil*, IPHandbook of best practices. Retrieved April 10, 2017 from <http://www.iphandbook.org/handbook/ch17/p16/index.html>.
- [13] Hua Gua (2017). *IP Management at Chinese Universities*, IPHandbook of best practices, Retrieved April 10, 2017, from: <http://www.iphandbook.org/handbook/ch17/p16/index.html>.
- [14] China Radio International (2017). *Số đơn xin cấp bằng độc quyền sáng chế quốc tế năm 2016 tăng 7,3%, Hãng ZTE và Huawei Trung Quốc lần lượt đứng nhất và nhì”.*, Retrieved April 5, 2017 from <http://vietnamese.cri.cn/481/2017/03/16/1s231652.htm>

- [15] WIPO – Work intellectual property Organization (2017, March 10). *IP Policies for Universities and Research Institutions*, Retrieved from http://www.wipo.int/policy/en/university_ip_policies/.
- [16] Wei-Lin Wang (2012). *Review of the legal scheme and practice of technology transfer in Taiwan*, Vol. 1 NTUT J. of Intell. Prop. L. & Mgmt, www.iip.ntut.edu.tw/.../NTUTJournal-2012-v1i2-4-WangWL.pdf.
- [17] Wikipedia (2017). *Đại học Thanh Hoa*, tra cứu ngày 12/10/2017 từ <https://vi.wikipedia.org/wiki/>.
- [18] David Ewalt (2017). *Reuters Top 100: The World's Most Innovative Universities – 2017*, Retrieved January 11, 2018 from <https://www.reuters.com/article/us-amers-reuters-ranking-innovative-univ/reuters-top-100-the-worlds-most-innovative-universities-2017-idUSKCN1C209R>.

Title: INTELLECTUAL PROPERTY MANAGEMENT MODEL IN UNIVERSITY – LESSON EXPERIENCE FROM TSINGHUA UNIVERSITY, CHINA

Abstract: The introduction of the intellectual property management model has brought tremendous synergies to Tsinghua University, China in intellectual property rights protection, technology transfer and economic development. Studying and learning the advanced and professional intellectual property management model of Tsinghua University is a real and meaningful issue in theory and practice for Vietnamese universities today. It has the orientation to apply appropriate lessons learned in the practice of managing intellectual property activities in universities.

Keywords: Intellectual property, intellectual property management, intellectual property management in universities